

Số: 3163 /TB-BCĐ-CATP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 09 của Bộ Công an và công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 2098/KH-BCĐ-CATP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước Thành phố (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) về kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 09 của Bộ Công an¹ và công tác bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025. Qua công tác kiểm tra tại 13 cơ quan gồm: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công thương, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở An toàn thực phẩm; Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Vĩnh Hội, Phước Long; Ban Chỉ đạo thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Ưu điểm

- Công tác triển khai thực hiện Kết luận số 09/KL-BCA của Bộ Công an: Thực hiện Kết luận số 09/KL-BCA ngày 17/7/2025 của Bộ Công an và Thông báo số 1419/TB-BCĐ-CATP ngày 22/8/2025 của Ban Chỉ đạo², các cơ quan được kiểm tra đã chủ động ban hành Kế hoạch, văn bản tổ chức quán triệt triển khai và rà soát, khắc phục, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ BMNN. Riêng 05 Sở được Bộ Công an kiểm tra đã tổ chức rà soát, phối hợp với Công an Thành phố khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong biên bản kiểm tra của từng Sở; đồng thời lãnh đạo các Sở đã tổ chức quán triệt, phê bình các cá nhân, tập thể chưa thực hiện tốt công tác này.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện và phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN: Căn cứ Luật Bảo vệ BMNN và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo, các cơ quan được kiểm tra đã ban hành các Quyết định thành lập,✓

¹ Kết luận số 09/KL-BCA-ANCTNB ngày 17/7/2025 của Bộ Công an về kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025.

² Thông báo số 1419/TB-BCĐ-CATP ngày 22/8/2025 của Ban Chỉ đạo thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước Thành phố về kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và triển khai thực hiện các kiến nghị của Bộ Công an

đổi tên và kiện toàn Ban Chỉ đạo bảo vệ BMNN của cơ quan, địa phương; ban hành Nội quy bảo vệ BMNN và các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ BMNN như: quán triệt, phổ biến các quy định pháp luật về công tác bảo vệ BMNN cho lãnh đạo, cán bộ, công chức; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN trong cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác bảo vệ BMNN theo quy định. Nhìn chung, lãnh đạo các cơ quan được kiểm tra đã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ BMNN, theo trách nhiệm được quy định tại Điều 24, 25 của Luật Bảo vệ BMNN.

- *Đối với các hoạt động cụ thể liên quan công tác bảo vệ BMNN:* Các đơn vị cơ bản đã trang bị **04** mẫu Sổ quản lý BMNN, **18** mẫu dấu BMNN theo quy định. Văn bản BMNN khi phát hành được đóng dấu chỉ độ mật, có thực hiện Phiếu đề xuất độ mật đối với từng văn bản để đảm bảo việc xác định độ mật có căn cứ pháp lý. Hoạt động giao nhận, BMNN được ghi nhận, phản ánh thông tin trong Sổ chuyển giao BMNN, có ký nhận. Việc sao, chụp tài liệu BMNN thực hiện theo đúng thẩm quyền; tài liệu sao, chụp đúng số lượng đã được duyệt và được bảo quản như tài liệu gốc. Tài liệu mật được thống kê định kỳ theo quy định và lưu trữ, bảo quản trong các tủ hồ sơ có khóa, bố trí tại kho lưu trữ của đơn vị...

- Việc phổ biến, nghiên cứu thông tin thuộc phạm vi BMNN được các cơ quan thực hiện tốt, đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, địa điểm phổ biến, nghiên cứu theo quy định. Không cung cấp thông tin, tài liệu BMNN cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài và các cơ quan thông tấn báo chí. Không có trường hợp cán bộ đi công tác trong và ngoài nước mang theo tài liệu có nội dung BMNN. Các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung BMNN được tổ chức, thực hiện theo đúng quy định, không ghi âm, ghi hình, quá trình tổ chức có phương án bảo vệ, tài liệu BMNN được thu hồi sau khi kết thúc.

- Trong phạm vi kiểm tra: Các cơ quan được kiểm tra chưa thực hiện việc tiêu hủy tài liệu, vật mang BMNN; gia hạn thời hạn bảo vệ BMNN (*trừ Sở Tư pháp*).

2. Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của một số lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên còn hạn chế, ý thức chủ động trong việc nghiên cứu, tìm hiểu để nắm chắc quy định pháp luật về công tác bảo vệ BMNN chưa cao, chưa nắm vững các Danh mục BMNN nên còn lúng túng trong việc đề xuất, xác định độ mật; còn tình trạng sao, chụp BMNN không đúng quy định tại một số cơ quan được kiểm tra. ✓

- Sau sáp nhập, các cơ quan được kiểm tra chưa thực hiện việc kiểm đếm, phân loại các tài liệu, vật chứa BMNN do các đơn vị hành chính cũ bàn giao mà tiếp tục lưu trữ tại trụ sở cơ quan hành chính cũ; chưa tổ chức rà soát, triển khai quy định gia hạn thời hạn bảo vệ BMNN đối với các văn bản BMNN do cơ quan phát hành theo quy định tại Điều 20 Luật Bảo vệ BMNN dẫn đến tình trạng chưa quản lý, thống kê và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ BMNN theo quy định pháp luật, tiềm ẩn nguy cơ thất lạc, mất BMNN.

- Công tác tự kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN của các cơ quan chưa đạt hiệu quả cao; công tác khắc phục, chấn chỉnh sau kiểm tra chưa thực hiện nghiêm túc, chưa triệt để dẫn đến vẫn còn tồn tại các vi phạm trong công tác bảo vệ BMNN. Cụ thể:

+ Tại **11/13** cơ quan³ được kiểm tra: căn cứ đề xuất độ mật của một số văn bản chưa ghi rõ căn cứ điều, khoản, điểm của Danh mục BMNN; nhiều văn bản xác định độ mật chủ yếu dựa vào độ mật của văn bản gửi đến hoặc theo cảm tính nên dẫn đến xác định độ mật chưa chính xác, thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 10 Luật bảo vệ BMNN và Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

+ Tại **06/13** cơ quan⁴ được kiểm tra có tình trạng văn bản, tài liệu có nội dung BMNN, tài liệu nội bộ được lưu giữ, soạn thảo trên máy tính đang kết nối hoặc có lịch sử kết nối mạng Internet, vi phạm quy định tại khoản 5, Điều 5, Luật bảo vệ BMNN.

+ Tại **01/13** cơ quan⁵ được kiểm tra ghi nhận tình trạng sao tài liệu mật không đúng quy định tại Điều 11 Luật bảo vệ BMNN và Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP.

- Còn tình trạng chưa đảm bảo AN, ATTT và bảo vệ BMNN đối với hệ thống máy tính của các cơ quan được kiểm tra: (1) Cài đặt, sử dụng các chương trình, phần mềm không bản quyền, tồn tại các lỗ hổng bảo mật nguy hiểm; (2) Có lịch sử kết nối các thiết bị ngoại vi không an toàn (*USB thương mại, thiết bị thông minh...*); (3) Soạn thảo, lưu trữ tài liệu có nội dung BMNN trên máy tính có lịch sử hoặc đang kết nối mạng Internet; (4) Máy tính độc lập dùng cho công tác bảo vệ BMNN có lịch sử kết nối mạng Internet, cá biệt có tình trạng không kiểm tra, đánh giá AN, ANTT trước khi đưa vào sử dụng, tiềm ẩn nguy cơ cao ✓

³ Ghi nhận có **44** văn bản xác định BMNN không đúng quy định: Sở Tài chính (5), Sở Nông nghiệp và Môi trường (3), Sở Xây dựng (6), Sở Công thương (3), Sở Tư pháp (3), Sở Văn hóa và Thể thao (2), Sở Du lịch (4), Sở Dân tộc và Tôn giáo (6), Sở An toàn thực phẩm (3); Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông (3), Phước Long (6).

⁴ Ghi nhận có **13** máy tính vi phạm: Sở Tư pháp (1); Sở Dân tộc và Tôn giáo (1), Sở An toàn thực phẩm (3); Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông (3), Phước Long (4), Vĩnh Hội (1).

⁵ Ghi nhận có **06** bản sao không đúng quy định: Sở Dân tộc và Tôn giáo (6).

lộ, mất BMNN. Cụ thể, qua kiểm tra **65** máy tính độc lập phục vụ soạn thảo, lưu trữ BMNN và máy tính có kết nối mạng Internet phục vụ công tác chuyên môn, ghi nhận:

+ Tại **04/13** cơ quan có **09/65** máy tính⁶ đang cài đặt, sử dụng hệ điều hành, phần mềm không bản quyền, tồn tại các lỗ hổng bảo mật.

+ Tại **12/13** cơ quan có **26/65** máy tính⁷ chưa cài đặt hoặc đã hết hạn bản quyền phần mềm diệt mã độc, virus bản quyền. Đáng chú ý tại nhiều máy tính tại UBND phường An Phú Đông đang bị lây nhiễm mã độc.

+ Tại **08/13** cơ quan có **16/65** máy tính⁸ có lịch sử kết nối thiết bị ngoại vi không an toàn (USB thương mại, thiết bị thông minh...).

+ Tại **01/13** cơ quan có **01** máy tính⁹ chưa được kiểm tra AN, ATTT trước khi đưa vào sử dụng cho công tác bảo vệ BMNN.

+ Tại **05/13** cơ quan có **06** máy tính¹⁰ độc lập có lịch sử kết nối mạng Internet, tiềm ẩn nguy cơ lộ tài liệu, dữ liệu.

+ Tại **06/13** cơ quan có **13/65** máy tính⁴ đang kết nối hoặc có lịch sử kết nối mạng Internet đang lưu trữ tài liệu, dữ liệu có nội dung BMNN, tài liệu nội bộ.

3. Nhằm nâng cao hiệu quả và khắc phục các tồn tại, hạn chế công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn Thành phố, Ban Chỉ đạo đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

3.1. Đối với 13 cơ quan được kiểm tra chỉ đạo các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện nghiêm quy định về xác định BMNN, độ mật của BMNN: việc đề xuất phải căn cứ vào các danh mục BMNN đã được Thủ tướng ban hành (*đề xuất cụ thể về điều, khoản, điểm theo Danh mục BMNN thuộc ngành, lĩnh vực nào*). Đối với các văn bản xác định sai BMNN, các cơ quan rà soát: (1) khi xác định BMNN và đóng dấu chỉ độ mật đối với tài liệu không chứa nội dung BMNN phải có văn bản đính chính hoặc thu hồi tài liệu đã phát hành; (2) các văn bản có nội dung thuộc Danh mục BMNN nhưng không được xác định và ✓

⁶ Sở Xây dựng (2); Sở Tài chính (2); Sở Nông nghiệp và Môi trường (3); Sở Công thương (2).

⁷ Sở Tài chính (3), Sở Nông nghiệp và Môi trường (3), Sở Xây dựng (2), Sở Công thương (2), Sở Tư pháp (2), Sở Văn hóa và Thể thao (3), Sở Du lịch (1), Sở Giáo dục và Đào tạo (4), Sở Dân tộc và Tôn giáo (2), Sở An toàn thực phẩm (3); Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông (1), Phước Long (3).

⁸ Sở Tài chính (2), Sở Xây dựng (2), Sở Công thương (2), Sở Tư pháp (2), Sở Du lịch (1), Sở Giáo dục và Đào tạo (2), Sở Dân tộc và Tôn giáo (3); Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hội (2).

⁹ 01 máy tính xách tay do Sở An toàn thực phẩm tự trang bị để soạn thảo, lưu trữ BMNN nhưng chưa được kiểm tra AN, ATTT có lịch sử kết nối mạng Internet, tiềm ẩn nguy cơ cao lộ BMNN.

¹⁰ Sở Nông nghiệp và Môi trường (2), Sở Tư pháp (1), Sở Dân tộc và Tôn giáo (1), Sở An toàn thực phẩm (1); Ủy ban nhân dân phường Phước Long (1).

phải có văn bản thông báo đến các cơ quan tổ chức, để thực hiện đóng dấu chỉ độ mật theo quy định; (3) rà soát các tài liệu được xác định sai độ mật phải có văn bản đính chính đến các cơ quan tổ chức đã nhận tài liệu BMNN.

- Rà soát số lượng các bản sao, chụp tài liệu, vật chứa BMNN không đúng quy định để tiến hành thu hồi, tiêu hủy theo quy định tại Điều 23 Luật Bảo vệ BMNN.

- Không thực hiện việc: (1) kết nối các thiết bị ngoại vi không an toàn vào máy tính độc lập dùng cho công tác bảo vệ BMNN; (2) soạn thảo, lưu trữ tài liệu thuộc danh mục BMNN trên máy tính có kết nối mạng Internet; (3) sao, chụp BMNN trái quy định.

- Tiến hành rà soát, khẩn trương gỡ bỏ, làm sạch dữ liệu, tài liệu có nội dung thuộc danh mục BMNN trên máy tính có kết nối mạng Internet để phòng ngừa và ngăn chặn hậu quả xảy ra.

- Nghiêm túc kiểm điểm, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời các tồn tại trong việc: (1) soạn thảo, lưu trữ tài liệu thuộc danh mục BMNN trên máy tính có kết nối mạng Internet; (2) máy tính độc lập dùng cho công tác bảo vệ BMNN có lịch sử kết nối thiết bị ngoại vi không an toàn hoặc có lịch sử kết nối mạng Internet; (3) xác định và đề xuất độ mật của BMNN không đúng quy định; (4) sao, chụp BMNN không đúng quy định mà Ban Chỉ đạo đã chỉ ra trong Kết luận và trong biên bản kiểm tra tại từng cơ quan.

- Khẩn trương tổ chức gỡ niêm phong, thống kê, phân loại, lưu trữ và triển khai các biện pháp bảo vệ BMNN theo quy định đối với toàn bộ tài liệu, vật chứa BMNN do các đơn vị hành chính cũ bàn giao sau sáp nhập.

- Quan tâm bố trí cơ sở vật chất, nhất là máy tính, trang thiết bị điện tử đáp ứng đúng, đủ yêu cầu công tác bảo vệ BMNN trong tình hình hiện nay, tăng cường trang bị các máy tính độc lập dùng để soạn thảo, lưu trữ BMNN; đặc biệt là USB mã hóa cơ yếu để sao, chép dữ liệu BMNN.

- Tiến hành rà soát, phân loại BMNN để gia hạn thời hạn bảo vệ BMNN theo quy định tại Điều 20 Luật Bảo vệ BMNN nhằm phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ lộ, mất BMNN.

- Thường xuyên tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh vi phạm, phòng ngừa lộ, mất BMNN. ✓

- Các đơn vị ¹¹ khẩn trương tổ chức khắc phục các tồn tại, hạn chế đã nêu trong Thông báo này và trong biên bản kiểm tra tại các cơ quan được kiểm tra, kết quả báo cáo về Ban Chỉ đạo (qua Công an Thành phố - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) trước ngày **15/11/2025**.

3.2. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương còn lại¹²

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Thọ - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố tại Thông báo số 462/TB-VP ngày 11/10/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ban Chỉ đạo đề nghị các cơ quan nghiêm túc tổ chức tự kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/11/2025 theo Đề cương hướng dẫn (đính kèm).

Kết quả tự kiểm tra, đề nghị các cơ quan báo cáo về Ban Chỉ đạo (qua Công an Thành phố - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) trước ngày **15/11/2025**. Giao Công an Thành phố (Phòng An ninh chính trị nội bộ¹³) theo dõi, đôn đốc và đề xuất Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra đối với các cơ quan chậm trễ, không thực hiện những nội dung trong Thông báo này./✓

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Văn Thọ - PCT TT UBND TP;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân 168 phường, xã, đặc khu;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- CATP: Phòng ANCTNB, ANM&PCTPCNC, KTNV.
- Lưu: VT, CATP, HD (245b).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**Đại tá Lê Quang Đạo
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ**

¹¹ 08 đơn vị gồm: Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở An toàn thực phẩm; Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Vĩnh Hội, Phước Long.

¹² Trừ các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Bộ Công an, Ban Chỉ đạo thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước Thành phố kiểm tra năm 2025, gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công thương, Thanh tra Thành phố, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở An toàn thực phẩm; Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Vĩnh Hội, Phước Long.

¹³ Mọi thông tin liên quan, đề nghị các đồng chí liên hệ đồng chí Thượng úy Lê Hữu Đạt - cán bộ Đội 2, Phòng An ninh chính trị nội bộ, Công an Thành phố, SĐT: 0785.222.297.

ĐỀ CƯƠNG

Tự kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước
(Kèm theo Thông báo số 3163 /TB-BCĐ-CATP ngày 31 /10 /2025 của Ban Chỉ đạo)

I. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

- Nêu khái quát về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (có thống kê các đơn vị trong tổ chức bộ máy).
- Những đặc điểm về tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ quan, đơn vị có liên quan công tác bảo vệ bí mật nhà nước (số lượng biên chế; tổ chức đảng, đảng viên; tình hình quan hệ hợp tác với nước ngoài có liên quan bí mật nhà nước; các cơ quan, bộ phận trọng yếu, cơ mật, nơi lưu giữ nhiều bí mật nhà nước...).

II. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

- Việc tiếp nhận, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng; xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong phạm vi quản lý; ban hành và thực hiện Nội quy bảo vệ bí mật nhà nước (có thống kê các văn bản liên quan).
- Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (số lượt, hình thức quán triệt, tuyên truyền; số lượng người được quán triệt, tuyên truyền; đánh giá chất lượng hiệu quả công tác quán triệt, tuyên truyền).
- Tự nhận xét, đánh giá về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong các công tác trên.

2. Công tác tổ chức thực hiện các quy định cụ thể của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

2.1. Xác định bí mật nhà nước và trang bị các loại con dấu, mẫu sổ trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

- Đánh giá công tác soạn thảo, tạo ra bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (nơi soạn thảo, tạo ra bí mật nhà nước; căn cứ đề xuất độ mật; quy trình xác

định, đề xuất độ mật; máy tính soạn thảo, lưu trữ bí mật nhà nước đã được kiểm tra an ninh, toàn thông tin hay chưa...).

- Thống kê số lượng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đã ban hành (thống kê theo phụ lục kèm theo).

- Đánh giá việc trang bị, sử dụng và quản lý **18** mẫu dấu và **04** mẫu sổ quản lý, theo dõi bí mật nhà nước theo quy định tại Thông tư 24/2020/TT-BCA (đơn vị đã trang bị bao nhiêu mẫu dấu, mẫu sổ; đơn vị đang sử dụng các mẫu Sổ hay sử dụng cơ sở dữ liệu trên máy tính để quản lý, theo dõi bí mật nhà nước...).

2.2. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

- Đánh giá công tác sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (quy trình, thủ tục để tiến hành sao, chụp bí mật nhà nước; địa điểm bố trí thiết bị sao, chụp và tiến hành sao chụp; các thiết bị sao, chụp bí mật nhà nước đã được kiểm tra an ninh, toàn thông tin hay chưa; đã trang bị sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước hay chưa...).

- Thống kê số lượng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đã sao, chụp tại đơn vị (thống kê theo phụ lục kèm theo).

2.3. Giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

- Việc bố trí, phân công cán bộ văn thư, giao liên của đơn vị (số lượng, trình độ, kiến thức pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước).

- Đánh giá công tác giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (quy trình giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; phương thức vận chuyển bí mật nhà nước; chất lượng bì thư; việc quản lý, sử dụng “Sổ chuyển giao bí mật nhà nước”, “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi”, “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến”; việc ký nhận ghi rõ họ tên tại “Sổ chuyển giao bí mật nhà nước”; việc lưu trữ các sổ quản lý, theo dõi bí mật nhà nước; đối với việc sử dụng cơ sở dữ liệu trên máy tính để nhập văn bản đã đầy đủ, đúng các nội dung cột mục theo quy định hay chưa? có in ấn, thống kê định kỳ hay không?...).

- Thống kê số lượng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến đơn vị (thống kê theo phụ lục kèm theo).

- Thống kê các vụ việc có dấu hiệu vi phạm quy định khi tiếp nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (bì thư bị bong, tróc; gửi không đúng địa chỉ nơi nhận...).

2.4. Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

- Đánh giá việc thực hiện công tác thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định.

- Thống kê số văn bản, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được các đơn vị bàn giao sau khi sáp nhập để tiếp tục lưu giữ, khai thác, sử dụng.

2.5. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước; Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có chứa nội dung bí mật nhà nước; Việc gia hạn thời hạn bảo vệ, điều chỉnh độ mật, giải mật, tiêu hủy bí mật nhà nước

Đánh giá việc thực hiện các hoạt động trên tại đơn vị theo quy định.

2.6. Việc phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước và công tác sơ kết, tổng kết công tác bí mật nhà nước

- Việc bố trí, phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (*số lượng, trình độ, kiến thức pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; có văn bản phân công cán bộ hay không*). Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã ký cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

- Đánh giá việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (*nêu rõ số văn bản báo cáo định kỳ hàng năm của đơn vị*).

2.7. Bảo vệ bí mật nhà nước trong thông tin, liên lạc

- Đánh giá trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị theo quy định (*thống kê số lượng các trang bị thiết bị... theo phụ lục kèm theo*).

- Đánh giá việc đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong soạn thảo, lưu trữ tài liệu bí mật nhà nước bằng máy vi tính và các thiết bị điện tử khác; việc truyền, nhận thông tin, tài liệu bí mật nhà nước.

3. Việc chấn chỉnh, khắc phục, xử lý những tồn tại, hạn chế, vi phạm pháp luật trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan chức năng

3.1. Kết quả công tác tổ chức triển khai thực hiện, phổ biến, quán triệt Kết luận số 09/KL-BCA ngày 17/7/2025 của Bộ Công an và Thông báo số 1419/TB-BCD-CATP ngày 22/8/2025 của Ban Chỉ đạo thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước Thành phố.

3.2. Kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước

- Việc cập nhật, phổ biến, quán triệt các văn bản, quy định mới của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

- Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung nội quy bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Công tác rà soát, đính chính đối với các văn bản đã đóng dấu độ mật nhưng chứa nội dung bí mật nhà nước; văn bản bí mật nhà nước xác định sai độ mật; văn bản có nội dung bí mật nhà nước nhưng chưa xác định và bảo vệ bí mật nhà nước.

- Công tác rà soát, thu hồi, tiêu hủy hoặc đính chính đối với các bản sao bí mật nhà nước sai quy định.

- Công tác khắc phục, xử lý đối với các máy tính vi phạm trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước và An ninh, an toàn thông tin.

- Công tác rà soát, phân loại bí mật nhà nước để gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 20 Luật bảo vệ bí mật nhà nước nhằm phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ lộ, mất bí mật nhà nước.

3.3. Khó khăn, vướng mắc trong việc khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm, những công tác đã thực hiện tốt, đúng quy định.

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân và những khó khăn, vướng mắc.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

BIỂU MẪU THỐNG KÊ

(Kèm theo Thông báo số 1163 /TB-BCĐ-CATP ngày 31/10/2025 của Ban Chỉ đạo)

Bảng 1. Thống kê các văn bản của cơ quan ban hành triển khai thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung hoặc trích yếu

Bảng 2. Thống kê văn bản bí mật nhà nước

Cơ quan	Số lượng văn bản mật đến, đi, sao, chụp từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/11/2025		
	Đến	Đi	Sao, chụp
Sở..../UBND phường, xã, đặc khu ...	- A: - B: - C:	- A: - B: - C:	- A: - B: - C:
Tổng			

Bảng 3. Thống kê văn bản bí mật nhà nước tiếp nhận bàn giao từ các đơn vị hành chính cũ trước khi sáp nhập

Đơn vị	Tổng số lượng văn bản mật
Sở A tỉnh Bình Dương (cũ)	Tổng:, trong đó gồm: Tuyệt Mật; Tối Mật; Mật
Sở A tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ)	Tổng:, trong đó gồm: Tuyệt Mật; Tối Mật; Mật
UBND phường B, Quận 1 (cũ)	Tổng:, trong đó gồm: Tuyệt Mật; Tối Mật; Mật
UBND phường C, Quận 1 (cũ)	Tổng:, trong đó gồm: Tuyệt Mật; Tối Mật; Mật

Bảng 4. Thống kê thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước và công tác chuyên môn

Đầu mối liên hệ (Họ tên, chức vụ, số điện thoại)	Phân loại tổng số máy vi tính		Các thiết bị khác liên quan công tác bảo vệ bí mật nhà nước			
	Mạng Internet (dùng cho công tác chuyên môn)	Độc lập (dùng soạn thảo, lưu trữ bí mật nhà nước)	Thiết bị cơ yếu (máy tính cơ yếu; USB DC-02M.19)	Thiết bị lưu trữ ngoài (USB, Ổ cứng)	Máy photo/máy scan	Máy in
Nguyễn Văn A – chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND phường A (SĐT: ...)						

Bảng 5. Thống kê các hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước

Mang tài liệu ra khỏi nơi lưu trữ	Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước	Hội nghị, cuộc họp, hội thảo có nội dung bí mật nhà nước	Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước	Giải mật	Điều chỉnh độ mật	Tiêu hủy bí mật nhà nước
<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>	<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>	<i>Số lượt tổ chức</i>	<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>	<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>	<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>	<i>Số lượt/số lượng văn bản</i>